TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/ DS-ST
Ngày: 15/8/2025
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THANH HÓA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bùi Thị Huyền
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh
Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Lê Thị Thu - thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Thanh Hoá
Đại diện viên kiểm sát nhân dân khu vực 2- Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên

Hôm nay ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2024/TLST- DS ngày 23/10/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-DS ngày 07/7/2025. Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 22/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q
Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H - Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng - Vùng Đông Hà Nội - Khối mạng lưới kinh doanh ngân hàng bán lẻ VIB, theo Giấy uỷ quyền số 064558.24 ngày 03/4/2024 của Tổng giám đốcNgân hàng TMCP Q
Người đại diện theo uỷ quyền lại:
- Ông Trương Đình T - cán bộ Ngân hàng TMCP Q.
- Ông Vũ Tiến B - cán bộ Ngân hàng TMCP Q.
- Ông Nguyễn Mạnh C - cán bộ Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng 4, toà CONINCO, số 4 T, quận Đ, thành phố Hà Nội.
2. Bị đơn: Ông Bùi Sỹ H, sinh năm 1977

Bà Lê Thị H, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ tại: Tổ dân phố T, xã L, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện* Ngân hàng TMCP Q *trình bày:*

Ngân hàng TMCP Q đã ký với ông Bùi Sỹ H và bà Lê Thị H 02 Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng (gọi tắt HĐTD) số 1508645.22 ngày 24/01/2022 với nội dung: Ngân hàng TMCP Q cho ông Bùi Sỹ H và bà Lê Thị H vay số tiền 1.120.000.000đ; Mục đích vay vốn: sữa chữa nhà tại địa chỉ thị trấn Quảng Xương, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá (cũ). Thời hạn vay: 180 tháng từ ngày 28/01/2022 đến ngày 27/01/2037. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 10.10%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là 11.7% năm) và chỉ được áp dụng trong vòng 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay; Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo qui định cộng biên độ 4.1%/năm. Ngày 27/01/2022 Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho ông Bùi Sỹ H và bà Lê Thị H theo Khế ước nhận nợ số 1508645(1).22 với số tiền 1.120.000.000đ theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD.

- Hợp đồng tín dụng số 3569837.23 ngày 18/9/2023 với nội dung: Ngân hàng TMCP Q cho ông Bùi Sỹ H và bà Lê Thị H vay số tiền 176.000.000đ. Mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng. Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 20/9/2028. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm gải ngân bằng 12%/năm. Mức lãi suất này được cố định trong suốt thời gian vay. Ngày 20/9/2023 Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho ông Bùi Sỹ H và bà Lê Thị H theo Khế ước nhận nợ số 3569837 (1).23 với số tiền 176.000.000đ theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với HĐTD.

Để đảm bảo cho khoản vay trên các bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4397491.22 ngày 24/01/2022. Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 240(1), tờ bản đồ số 2; diện tích 117m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; địa chỉ: Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá (cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 498990, số vào sổ cấp GCN: CH00677 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 18/4/2013 cho ông Bùi Sỹ H.

Sau khi các bên thực hiện ký kết các hợp đồng theo qui định, phía Ngân hàng đã giải ngân như thỏa thuận trong hợp đồng, tuy nhiên trong quá trình thực hiện ông H, bà H đã không thực hiện đầy đủ, vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện việc trả gốc lãi theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng TMCP Q đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ 01/4/2024. Vi phạm Điều

3.0 và Điều 4.0 Điều khoản thi hành của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng của 02 Hợp đồng tín dụng.

Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1508645.22 ngày 24/01/2022, số tiền 1.120.000.000đ, quá trình vay ông Hoàn, bà Hương mới trả được cho Ngân hàng số tiền gốc:112.020.000đđ; trả lãi:lãi trong hạn: 209.527.211, lãi quá hạn: 1.696.516đ Tổng cộng: 323.243.727đ. Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 3569837.23 ngày 18/9/2023 với số tiền 176.000.000đ, quá trình vay ông H, bà H chưa trả cho Ngân hàng được đồng nào. Tổng 02 khoản vay tính đến ngày xét xử 15/8/2025 ông H, bà H mới trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là: 112.020.000đ; lãi trong hạn: 209.527.211đ; lãi quá hạn: 1.696.516đ. Tổng là: 323.243.727đ.

Tổng 02 khoản vay tính đến ngày xét xử 15/8/2025 ông H, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là: 1.183980.000đ; lãi trong hạn: 164.134.608đ; lãi quá hạn: 262582012đ. **Tổng là: 1.610.696.620đ.**

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền trên và lãi phát sinh trên nợ gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà ông H, bà H đã ký. Trường hợp vợ chồng ông H, bà H không thanh toán số tiền trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi nợ, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4397491.22 ngày 24/01/2022 được ký giữa hai bên để đảm bảo việc thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ thì ông H, bà H tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

** Đối với bị đơn:* Bà Lê Thị H được tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng không đến toà án làm việc

** Đối vớibị đơn ông H trình bày:* Ông thừa nhận vợ chồng ông là Bùi Sỹ H và Lê Thị H có vay tiền của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) theo 02 Hợp đồng tín dụng đó là: Hợp đồng tín dụng số 1508645.22 ngày 24/01/2022 , số tiền vay là 1.120.000.000đ và Hợp đồng tín dụng số 3569837.23 ngày 18/9/2023 với số tiền vay là 176.000.000đ. Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng ông đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4397491.22 ngày 24/01/2022. Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 240(1), tờ bản đồ số 2; diện tích 117m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; địa chỉ: Thị trấn Tân Phong, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá (cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 498990, số vào sổ cấp GCN: CH00677 do UBND huyện Q, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 18/4/2013 cho ông Bùi Sỹ H cho Ngân hàng để vay tiền.

Quá trình thực hiện Hợp đồng do hoàn cảnh gia đình lâm vào khó khăn, làm ăn thua lỗ, nên gia đình không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng, mới trả được một ít và không trả đúng hạn, vi phạm Hợp đồng như Ngân hàng đã nêu, tính đến ngày 24/6/2025 ngày mà Toà án làm việc với ông, ông thừa nhận vợ chồng ông có nợ Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi của hai khoản vay là 1.573.688.597đ như Ngân hàng tính

đến ngày 24/6/2025 là đúng và ông đồng ý trả, tuy nhiên gia đình xin lui lại một thời gian (nhưng không cụ thể ngày) gia đình sẽ thanh toán nợ cho Ngân hàng, trường hợp gia đình không thanh toán được đề nghị Toà án giải quyết theo qui định của pháp luật.

*** Tại phiên toà:**

+ Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như phần trình bày ở trên

+ Bị đơn vắng mặt:

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án và nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như xét xử. Đối với bị đơn không chấp hành, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS đề nghị toà án xét xử vắng mặt theo qui định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Điều 295; 298; 299; 463; 466; 468; 470 BLDS 2015; Điều 91; Điều 95; 98 Luật Tổ chức tín dụng 2010; Điều 100; 107 Luật các tổ chức tín dụng 2024. Khoản 2 Điều 8; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ- HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số qui định việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân. Điều 6, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q. Buộc ông H, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ tạm tính đến ngày 15/8/2025 là **1.610.696.620đ** (trong đó tiền gốc là: 1.183980.000đ; lãi trong hạn: 164.134.608đ; lãi quá hạn: 262582012đ). Kể từ ngày 16/8/2025 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ ông H, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thoả thuận, nhưng phải phù hợp với qui định của pháp luật. Trường hợp ông H, bà H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 4397491.22 ngày 24/01/2022 để thu hồi nợ.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên toà có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn ông Bùi Sỹ Hoàn và bà Lê Thị H, ông H bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vu án theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng tín dụng số 1508645.22 ngày 24/01/2022 và Hợp đồng tín dụng số 3569837.23 ngày 18/9/2023 được ký giữa Ngân hàng TMCP Q với ông H, bà H, cả hai bên đều vay sử dụng vào mục đích tiêu dùng và sữa chữa nhà. Vì vậy xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 - Thanh Hoá theo qui định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của BLTTDS và khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ- HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số qui định việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[3]. Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 1508645.22 ngày 24/01/2022 và Hợp đồng tín dụng số 3569837.23 ngày 18/9/2023 được ký giữa Ngân hàng TMCP Q với ông H, bà H, hai bên đều ký kết theo đúng qui định của pháp luật, nội dung và điều khoản cam kết trong Hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của các bên được pháp luật cho phép. Quá trình thực hiện Hợp đồng ông H, bà H được Ngân hàng cấp khoản tín dụng cho vay với số tiền của 02 Hợp đồng là: 1.120.000.000đ và 176.000.000đ, tổng hai khoản vay là: 1.296.000.000đđ, đã được giải ngân bằng khế ước nhận nợ.

Trong quá trình thực hiện ông H, bà H đã không thực hiện đầy đủ, vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện việc trả gốc lãi theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng TMCP Q đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ 01/4/2024. Tổng 02 khoản vay tính đến ngày xét xử 15/8/2025 ông Hoàn, bà Hương mới trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là: 112.020.000đ; lãi trong hạn: 209.527.211đ; lãi quá hạn: 1.696.516đ. Tổng là: 323.243.727đ. Như vậy ông H, bà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận được qui định tại vi phạm Điều 3.0 và Điều 4.0 Điều khoản thi hành của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng của 02 Hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã ký với Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông H, bà H thanh toán toàn bộ số nợ của 02 khoản vay tính đến ngày xét xử 15/8/2025: ông H, bà H còn nợ số tiền gốc là: 1.183980.000đ; lãi trong hạn: 164.134.608đ; lãi quá hạn: 262582012đ. Tổng là: **1.610.696.620đ** (đã được xem xét bảng kê chi tiết tính lãi kèm theo) là có căn cứ, phù hợp với thoả thuận tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng, Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 BLDS; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao về việc "Hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm" cần được xem xét chấp nhận.

[4]. Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Q với ông H, bà H đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4397491.22 ngày 24/01/2022. Việc thế chấp đã được công chứng theo đúng trình tự thủ tục theo qui định của pháp luật và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Xương, tỉnh

Thanh Hoá qui định về tài sản thế chấp và nghĩa vụ được bảo đảm được cam kết trong Hợp đồng thế chấp, thì việc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của Ngân Hàng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5]. Về án phí: căn cứ Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; điểm d. tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục A án phí. Ông H, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 60.320.898đ. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí là mà Ngân hàng đã nộp là: 25.550.000đ theo biên lai thu số 0001060 ngày 23/10/2024 tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hoá).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; điều 273; Khoản 1 Điều 147 BLTTDS. Điều 91; khoản 2 Điều 95; Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng 2010; Điều 100; 107 Luật các tổ chức tín dụng 2024. Điều 295; 298; 299; 463; 466 BLDS 2015; Khoản 2 Điều 8; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ- HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số qui định việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân. Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Điểm d. tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục A án phí.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Ngân hàng TMCP Q

- Buộc ông Bùi Sỹ H và bà Lê Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tính đến ngày xét xử 15/8/2025 số tiền gốc là: 1.183980.000đ; lãi trong hạn: 164.134.608đ; lãi quá hạn: 262582012đ. Tổng là: 1.610.696.620đ theo 02 Hợp đồng tín dụng số 1508645.22 ngày 24/01/2022 và Hợp đồng tín dụng số 3569837.23 ngày 18/9/2023 được ký giữa ông H, bà H với Ngân hàng TMCP Q.

- Kể từ ngày 16/8/2025 trở đi cho đến khi ông H, bà H tất toán xong toàn bộ khoản nợ, ông H và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thoả thuận đối với 02 Hợp đồng tín dụng số 1508645.22 ngày 24/01/2022 và Hợp đồng tín dụng số 3569837.23 ngày 18/9/2023 mà các bên đã ký

- Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật ông H, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nêu trên, Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 4397491.22 ngày 24/01/2022, bao gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại

thửa số: 240(1), tờ bản đồ số 2; diện tích 117m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; địa chỉ: Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá (cũ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 498990, số vào sổ cấp GCN: CH00677 do UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 18/4/2013 cho ông Bùi Sỹ H.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ thì ông H, bà H tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

Về án phí: Ông H, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 60.320.898đ. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí là mà Ngân hàng đã nộp là 25.550.000đ theo biên lai thu số 0001060 ngày 23/10/2024 tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Q cũ (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hoá).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá
- VKS ND khu vực 2 - Thanh Hoá
- Toà án tỉnh Thanh Hoá
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Bùi Thị Huyền